SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1413/TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính Phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Kế hoạch số 2742/KH-SYT ngày 23/11/2020 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc Triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Thực hiện Hướng dẫn số 3897/HD-SYT ngày 08/12/2020 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 và Quyết định số 4750/QĐ-SYT ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Bệnh viện đa khoa tỉnh hướng dẫn các khoa, phòng về việc thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 cụ thể như sau:

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập:

Đối tượng áp dụng: Giám đốc; Phó Giám đốc; Trưởng và Phó Trưởng phòng; Trưởng và Phó Trưởng khoa; Điều dưỡng trưởng khoa; Kỹ thuật viên trưởng khoa.

2. Nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập

- Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai.

- Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, việc giải trình và Kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Người có nghĩa vụ kê khai

- Kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn các thông tin về số lượng, giá trị tài sản, thu nhập và **không phải kê khai phần "III. Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm"** của

Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, **vì năm 2020 là năm thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu** theo Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

- Thực hiện quyết định xử lý vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.

4. Tổ chức việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập.

- Người có nghĩa vụ kê khai phải thực hiện kê khai theo đúng Mẫu và hướng dẫn kê khai của pháp luật *(Lưu ý không được tự ý thay đổi các tiêu chí của mẫu kê khai)*.

- Sau khi kê khai xong Bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân kê khai phải ký vào từng trang của Bản kê khai; ký, ghi rõ họ tên, ngày, tháng năm hoàn thành ở trang cuối và nộp cho bộ phận tổ chức cán bộ theo đúng thời gian quy định.

- Trưởng phòng tổ chức cán bộ khi tiếp nhận Bản kê khai phải kiểm tra đầy đủ các nội dung phải kê khai; sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai và báo cáo Giám đốc Bệnh viện biết, theo dõi, chỉ đạo. Trường hợp qua kiểm tra phát hiện việc kê khai chưa đúng quy định (sai mẫu...) thì yêu cầu kê khai lại theo quy định. Việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 phải hoàn thành **trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.**

5. Xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai

- Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Người có nghĩa vụ kê khai mà tẩu tán, che dấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.

Thời gian nộp bản kê khai về phòng Tổ chức cán bộ **trước ngày 29/12/2020** để tổng hợp nộp về Sở Y tế đúng qui định.

Đề nghị các khoa, phòng nghiêm túc triển khai thực hiện, có gì vướng mắc trao đổi với phòng Tổ chức cán bộ để được hướng dẫn cụ thể, kịp thời *(Có mẫu kê khai tài sản và phụ lục hướng dẫn kê khai đính kèm)./.*

Nơi nhận:
- Các khoa, phòng;
- Giám đốc và các PGĐ;
- Đăng trên trang tin điện tử BV;
- Lưu: VT,TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

TS.BS. Huỳnh Giới

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU[1]

(Ngày….. tháng ….. năm 2020)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: .... ngày cấp ..... nơi cấp..... .....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
- Nghề nghiệp:.....
- Nơi làm việc [4]: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: .... ngày cấp ..... nơi cấp..... .....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
- Nơi thường trú: ....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: .... ngày cấp ..... nơi cấp..... .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: .....

- Diện tích[9]: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]:.....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác [13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: ..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị ([10]); .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà[14]:.....
- Diện tích sử dụng [15]: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác [16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ:.....
- Loại công trình: ..... cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp [22]:

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác [23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: .....

Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: .....

Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*.....

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng			

loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

..... ngày.... tháng..... năm....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày .... tháng ..... năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III "Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm", không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi "giá trị ước

tính"; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi "không xác định được giá trị" và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi "chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(14) Ghi "căn hộ" nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi "nhà ở riêng lẻ" nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tầu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước

nào.

(27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

(29) Kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là "Không có biến động" ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột "số lượng tài sản", ghi giá trị tài sản tăng vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và giải thích nguyên nhân tăng vào cột "nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập".

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột "số lượng tài sản", ghi giá trị tài sản giảm vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột "Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập".

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m^2 ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m^2 tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1. Đất ở	- 100m^2	500 triệu	Giảm do bán

- Bán thửa đất B			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m^2	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thửa đất B được 4.000 triệu